

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/DS-ST
Ngày: 18-6-2025
V/v tranh chấp hợp
đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2025/QĐST-DS ngày 30/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: Số 128, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc công ty cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Đặng Minh Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 429B, đường N, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2024.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 292, ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Minh Đ có đơn

yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông trình bày:

Ngày 21/02/2023, bà Võ Thị Kim C có đến Chi nhánh Bến Tre 1 – Công ty trách nhiệm hữu hạn S (nay là Công ty cổ phần S) ký hợp đồng cầm cố tài sản số BTM230201010NA21X và nhận số tiền 18.700.000 đồng. Tài sản cầm cố là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Winner 150cc, biển số 71B4-685.62, màu đen vàng đồng, số khung RLHKC3719MY124985, số máy KC34E1252969. Thời hạn cầm cố là 18 tháng, từ ngày 21/02/2023 đến ngày 21/8/2024, lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ là 0,5%/tháng theo dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền. Khi ký hợp đồng cầm cố, hai bên tiến hành lập phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung phụ lục hợp đồng có thỏa thuận bên cầm cố tài sản đồng ý cho bên nhận cầm cố cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng lợi tức đến khi chấm dứt hợp đồng. Do nhu cầu cần xe đi lại hàng ngày nên bà C đã làm đơn xin mượn lại xe của bên nhận cầm cố trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 21/02/2023 đến hết ngày 21/03/2023 sẽ trả lại xe. Địa điểm trả xe tại Chi nhánh Bến Tre 1, số 429B, đường N, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bên mượn xe đã cam kết trong giấy mượn xe hoàn trả lại tài sản đã mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.

Để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố, bà C đã thế chấp tài sản đảm bảo là chiếc xe máy nêu trên. Tài sản này đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục đăng ký Quốc gia. Bắt đầu từ ngày 21/3/2023 đến nay, bà C đã quá hạn thanh toán hơn 22 tháng nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe. Mặc dù, Công ty đã nhiều lần thông báo, liên hệ yêu cầu bà C trả lại tài sản cầm cố và thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà C không thực hiện.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc, lãi và phí phát sinh đến ngày 07/01/2025 là 39.887.100 đồng. Trong đó tiền gốc là 18.700.000 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc là 4.525.400 đồng, lãi quá hạn trên dư nợ thực tế là 2.262.700 đồng, phí quản lý hồ sơ là 2.057.000 đồng, phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe là 12.342.000 đồng. Yêu cầu bà C tiếp tục chịu lãi, chi phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 07/01/2025 đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô biển số 71B4-685.62, nhãn hiệu Honda Winner 150CC để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà C phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho Công ty S.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Không yêu cầu bà C trả số tiền lãi quá hạn trên dư nợ thực tế là 2.262.700 đồng; Phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe là 12.342.000 đồng; Trường hợp bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô biển số 71B4-685.62, nhãn hiệu Honda Winner 150CC để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Võ Thị Kim C đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời bà đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng bà vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

Buộc bà Võ Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền đến ngày 07/01/2025 là 25.282.400 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 18.700.000 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc là 4.525.400 đồng, phí quản lý hồ sơ là 2.057.000 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết từ ngày 08/01/2025 đến khi thanh toán hết nợ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay về việc yêu cầu bà C có nghĩa vụ trả số tiền lãi quá hạn trên dư nợ thực tế là 2.262.700 đồng, phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe là 12.342.000 đồng và yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô biển số 71B4-685.62, nhãn hiệu Honda Winner 150CC để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty Cổ phần S tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản với bà Võ Thị Kim C, cư trú tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre theo quy

định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà C đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà C là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà C đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ tòa án đã thu thập được để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Công ty S yêu cầu bà C có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 18.700.000 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc là 4.525.400 đồng, phí quản lý hồ sơ là 2.057.000 đồng. Yêu cầu bà C tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 07/01/2025 đến khi trả hết nợ.

[2.2] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng cầm cố số BTM230201010NA21X; Phụ lục hợp đồng cầm cố; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy; Giấy mượn xe và phiếu chi cùng ngày 21/02/2023, được ký kết giữa Chi nhánh Bến Tre 1 – Công ty TNHH S (hiện nay là Công ty cổ phần S theo giấy xác nhận chuyển đổi loại hình của doanh nghiệp số 127/ĐKKD ngày 23/5/2024 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An) với bà C, thể hiện nội dung bà C cầm cố tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Winner 150CC, biển kiểm soát 71B4-685.62, màu sơn đen vàng đồng, số máy KC34E1252969, số khung RLHKC3719MY124985 với số tiền là 18.700.000 đồng. Thời hạn cầm cố là 18 tháng, từ ngày 21/02/2023 đến ngày 21/8/2024, lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ là 0,5%/tháng, bà C có ký và ghi rõ họ tên trong hợp đồng. Bà C đã nhận đủ số tiền 18.700.000 đồng. Do cần xe đi lại nên cùng ngày bà C đã ký giấy mượn lại chiếc xe nêu trên. Đến nay hợp đồng cầm cố tài sản đã hết hạn nhưng bà C không trả xe và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng cho Công ty là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm trả số tiền nợ tính đến ngày 07/01/2025 là 25.282.400 đồng (gồm tiền nợ gốc 18.700.000 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc là 4.525.400 đồng, phí quản lý hồ sơ là 2.057.000 đồng) và yêu cầu bà C tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ sau ngày 07/01/2025 đến khi trả hết nợ đến khi trả hết nợ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi quá hạn trên dư nợ thực tế là 2.262.700 đồng, phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe là

12.342.000 đồng và rút yêu cầu trong trường hợp bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô biển số 71B4-685.62, nhãn hiệu Honda Winner 150CC để thu hồi nợ. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

Như phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S là có căn cứ được chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 25.282.400 đồng x 5% = 1.264.120 đồng (làm tròn 1.264.000 đồng).

Hoàn trả tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần S.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 157, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 309, 315 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản với bà Võ Thị Kim C.

Buộc bà Võ Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 07/01/2025 là 25.282.400 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 18.700.000 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc là 4.525.400 đồng, phí quản lý hồ sơ là 2.057.000 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 08/01/2025 cho đến khi trả hết nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố số BTM230201010NA21X đã ký kết ngày 21/02/2023.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về việc yêu cầu bà C có nghĩa vụ trả số tiền lãi quá hạn trên dư nợ thực tế là 2.262.700 đồng, phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe là 12.342.000 đồng và yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô biển số 71B4-685.62, nhãn hiệu Honda Winner 150CC để thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Kim C phải chịu án phí số tiền là 1.264.000đ (Một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 997.000đ (Chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007761 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang